TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ NHA TRANG** **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 99/2024/QĐCNTTLH	*Nha Trang, ngày 22 tháng 4 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC BÊN THAM GIA HÒA GIẢI TẠI TÒA ÁN

Căn cứ các điều 32, 33, 34 và 35 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

Căn cứ Điều 55, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của bà Trần Thu G và ông Võ Quốc D.

Sau khi nghiên cứu:

- Đơn khởi kiện đề ngày 02/4/2024 về việc yêu cầu ly hôn của bà Trần Thu G.

- Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 12/4/2024 về thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải sau đây:

* **Người khởi kiện**: Bà **Trần Thu G -** Sinh năm 1983
Địa chỉ: Tổ A, V, V, Nha Trang, Khánh Hòa.

* **Người bị kiện**: Ông **Võ Quốc D -** Sinh năm 1980
Địa chỉ: 32/6 S, V, Nha Trang, Khánh Hòa

- Các tài liệu kèm theo Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải do Hòa giải viên chuyển sang Tòa án và các tài liệu do Tòa án thu thập được theo quy định tại khoản 2 Điều 32 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 12/4/2024 có đủ các điều kiện quy định tại Điều 33 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 12/4/2024, cụ thể như sau:

1.1. *Về quan hệ hôn nhân:* Bà **Trần Thu G** và ông **Võ Quốc D** thuận tình ly hôn.

1.2. *Về con chung:* Giao 02 (*Hai*) con chung là cháu **Võ Trần Nguyên K** - sinh ngày 01/7/2008 và **Võ Trần Ngọc M**, sinh ngày 21/10/2012 cho bà G trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Ông Võ Quốc D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở và phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền là 1.500.000 đồng/tháng/con chung, hai con chung là 3.000.000 đồng/tháng *(Ba triệu đồng)*, kể từ tháng 5/2024 cho đến khi con chung lần lượt đủ 18 tuổi.

1.3. *Về tài sản chung:* Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.4. *Về nợ chung:* Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Qui định:*** *"Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo qui định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự 2015";*

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ký, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và được thi hành theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Tp. Nha Trang (2 bản);
- Chi cục THA dân sự Tp. Nha Trang;
- Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa;
- UBND xã Vĩnh Hiệp (Số 47 ngày 11/7/2007);
- Lưu hồ sơ, án văn.

THẨM PHÁN

Nguyễn Đình Dũng